GIÁ ĐẤT Ở
HUYỆN MỸ LỘC

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
1	**THỊ TRẤN MỸ LỘC**			
	Quốc lộ 21A			
	Từ cầu Đặng đến hết cầu Giáng	4,500	2,250	1,125
	Từ cầu Giáng đến cổng UBND xã Mỹ Thịnh	4,000	2,000	1,000
	Đường phía Nam Đường Sắt	1,500	750	375
	Đường bộ mới Nam Định-Phủ Lý thuộc thị trấn Mỹ Lộc	10,000	5,000	2,500
	Đường nối đường bộ mới Nam Định-Phủ lý với Quốc lộ 21	5,000	2,500	1,250
	Đường nội thị			
	Từ đường 21A Cầu Giáng đến hết trạm bơm HTX Bắc Hưng	1,500	750	375
	Từ giáp trạm bơm HTX Bắc Hưng đến giáp địa giới Mỹ Tiến	1,200	600	300
	Từ đường 21A đến tổ dân phố Hào Hưng	1,200	600	300
	Từ đường 21A đến nhà thờ Tuộc	1,000	500	250
	Từ đường 21A đến hội người mù	1,400	700	350
	Từ hội người mù đến tổ dân phố Trung Quyên	1,000	500	250
	Từ Cầu Lê đến Nhà văn hóa Nam Lê	1,000	500	250
	Từ Cầu Lê đến Nhà văn hóa Nam Lê máng KNB	700	350	250
	Từ Cầu Lê đến HTX Bắc Thịnh	1,000	500	250
	Từ Cầu Đặng đến trường Tiểu học Mỹ Hưng bên máng KNA	700	350	220
	Từ Cầu Đặng đến tổ dân phố Vạn đồn	800	400	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	600	300	
	Khu vực 2	500	250	
	Khu vực 3	250		
2	**XÃ MỸ HƯNG**			
	Đường 21 A			
	Từ km số 4 đến Ngân hàng Nông nghiệp	5,000	2,500	1,250
	Từ Ngân hàng NN đến cầu Đặng	4,500	2,250	1,125
	Đường Nam Đường Sắt			
	Từ giáp TP Nam Định đến Cầu Đặng	1,500	750	375
	Đường trục xã			
	Từ đường 21 A đến hết trụ sở UBND xã Mỹ Hưng.	2,000	1,000	500
	Từ ngã ba ông Phê đến cầu Dừa (ông Chiều)	600	300	250
	Từ nhà ông Phê đến ao cầu Vồng	700	350	250
	Từ cầu ông Thưởng đến cầu xóm 1	600	300	250
	Từ ngã ba chợ Hôm đến cầu Đặng xóm 3	700	350	250
	Từ cầu Chéo sông T3 đến hết nhà ông Tuất (khu cầu Kiều)	3,000	1,500	250
	Từ đường 21 đến hết nhà ông Thưởng	1,000	500	250
	Từ Bưu điện Đặng xá đến đường bộ mới (BOT)	2,000	1,000	500
	Đường bộ mới Nam Định-Phủ Lý thuộc xã Mỹ Hưng	10,000	5,000	2,500
	Đường nối đường bộ mới Nam Định-Phủ lý với Quốc lộ 21	5,000	2,500	1,250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	400	250	
	Khu vực 2	300	250	
3	**XÃ MỸ THỊNH**			
	Đường 21A			
	Từ UBND xã đến Cầu Mái (bắc đường 21A)	3,000	1,500	750
	Nam đường 21A (Nam đường sắt)	1,000	500	250

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường trục xã			
	Đường 21A đi Mỹ Thuận	1,000	500	250
	Đường 21A đi Bói Trung	1,000	500	250
	Đường 21A đến đầu cầu xóm Bến (HTX Bắc Thịnh)	1,000	500	250
	Đường từ Cầu xóm Bến (HTX Bắc Thịnh) đến Đê át Hợi	600	300	250
	Đoạn từ Chùa Sức đến đê Át Hợi	600	300	250
	Khu chợ huyện Mỹ Thịnh	1,000	500	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	500	250	
	Khu vực 2	300	250	
4	**XÃ MỸ THUẬN**			
	Quốc lộ 21A			
	Từ giáp xã Hiển khánh - huyện Vụ Bản đến cây xăng dầu khí	2,000	1,000	500
	Từ Cây xăng dầu khí đến hết Trạm thu phí Mỹ Lộc	2,500	1,250	625
	Từ giáp trạm thu phí đến hết cây xăng Hàng Không	1,700	850	425
	Từ giáp cây xăng hàng không đến Cầu Họ	2,000	1,000	500
	Đường 56			
	Từ đầu đường 56 đến giáp xã Hiển Khánh - huyện Vụ Bản	1,700	850	425
	Đường khác			
	Tuyến đê át Hợi từ đường 21A (cầu Họ) đến cống Đá	700	350	250
	Từ cống Đá đi Chợ Mạng (bao gồm cả khu đất chợ Mạng)	1,000	500	250
	Từ Cầu Mái đến cống Đá	1,000	500	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	300	250	
	Khu vực 2	250		
5	**XÃ MỸ TIẾN**			
	Đường liên xã			
	Đoạn từ giáp thị trấn Mỹ Lộc đến Dốc La	1,000	500	250
	Tuyến đê át Hợi			
	Đoạn từ Dốc La (đất nhà ông Kế) đến cửa hàng Lang Xá	800	400	250
	Đoạn từ Cửa hàng Lang Xá đến Lăng nhà thánh	600	300	
	Đoạn từ Lăng nhà thánh đến giáp xã Mỹ Hà	500	250	
	Đoạn từ dốc La đến cầu chéo Vị Việt	800	400	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	450	250	
	Khu vực 2	300	250	
6	**XÃ MỸ HÀ**			
	Đường 63B			
	Từ giáp xã Mỹ Thắng đến đường vào thôn 1	1,000	500	250
	Từ đường vào thôn 1 đến đường vào UBND xã Mỹ Hà	1,200	600	300
	Từ đường vào UBND Mỹ Hà đến giáp xã An Ninh - Bình Lục	1,000	500	250
	Đường khác trong xã			
	Đường Đê át hợi từ cống chéo đến xã Mỹ Tiến	500	250	
	Đường từ cửa hàng HTX mua bán cũ đến cầu Nhân Tiến	1,200	600	300
	Đường 2 vào Chợ Sét	1,000	500	250
	Đường 3 vào Chợ Sét	800	400	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1	600	300	
	Khu vực 2	300	250	
7	**XÃ MỸ THẮNG**			
	Đường 63B			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Từ giáp địa giới xã Mỹ Phúc đến Dốc Mai	3,000	1,500	750
	Từ Dốc Mai đến cống 32	2,000	1,000	500
	Đường cầu Bùi - dốc Lốc (địa giới xã Mỹ Thắng)	5,000	2,500	1,250
	Đường xã			
	Từ Cầu Kiều đến Cầu Kim	3,000	1,500	750
	Từ C ầu Kim đến UBND xã cũ	4,500	2,250	1,125
	Từ đường 63 B đi cầu Sắc Nhân Hậu	2,400	1,200	600
	Từ đường 63B vào giáp đường trục xóm 8, 9 xã Mỹ Thắng	4,500	2,250	1,125
	Đoạn từ UBND xã cũ đến Phủ Mỹ	4,000	2,000	1,000
	Các khu vực còn lại (đường thôn)			
	Khu vực 1 (làng Sắc)	1,000	500	250
	Khu vực 2 (làng Mai, làng Mỹ)	700	350	250
	Khu vực 3 (các làng còn lại)	400	250	
8	**XÃ MỸ TÂN**			
	Đường 10 mới	4,000	2,000	1,000
	Từ đường 10 mới về xóm trung Trại	1,500	750	375
	Đường 10 cũ			
	Đoạn từ Đường Ngô Thì Nhậm(Lộc Hạ) đến giáp nhà ông Đặng	5,000	2,500	1,250
	Đoạn từ nhà ông Đặng đến lối rẽ Đền Cây Quế	2,000	1,000	500
	Đoạn từ lối rẽ Đền Cây Quế đến giáp nhà ông Tiến	1,500	750	375
	Đoạn từ nhà ông Tiến đến phà Tân Đệ			
	Đường nhánh 10 cũ			
	Từ 10 cũ đến đền cây quế	1,200	600	300
	Từ đường cũ đến HTX Hồng Long	1,200	600	300
	Đường Ất Hợi			
	Từ đường 10 đến hết nhà ông Minh	1,300	650	325
	Từ giáp nhà ông Minh đến hết nhà ông Khỏe	1,000	500	250
	Đường ven đê Đông Bắc	3,000	1,500	750
	Đường trục xã từ Hồng Phú đến Đoàn Kết	800	400	
	Các khu vực còn lại (đường thôn)			
	Khu vực 1	450	250	
	Khu vực 2	400	250	
	Khu vực 3	300	250	
9	**XÃ MỸ TRUNG**			
	Quốc lộ 10 mới			
	Từ giáp phường Lộc Hạ đến đường vào Nhất Đê	4,000	2,000	1,000
	Đường 38A			
	Từ Cầu Viềng đến đường vào Nhà thờ Trần Văn Lan	4,500	2,250	1,125
	Đoạn từ đường vào Nhà thờ Trần Văn Lan đến dốc Hữu Bị	3,200	1,600	800
	Đường WB2			
	Từ đường 10 vào hết nhà ông Cường (khu tái định cư)	3,000	1,500	750
	đoạn từ giáp nhà ông Cường đến Cầu Bơi	2,500	1,250	625
	Từ cầu Bơi đến hết nhà ông Hồng (đội 8)	1,000	500	250

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường trục xã			
	Từ Cầu Viềng đến hết nhà ông Nhân (đội 4)	2,600	1,300	650
	Từ giáp ông Nhân đến hết nhà ông Viên (Đội 10 Nhất Đê)	1,500	750	375
	Ngoài đê sông Hồng	1,200		
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	600	300	250
	Khu vực 2	500	250	
	Khu vực 3	400	250	
10	**XÃ MỸ PHÚC**			
	Đường Quốc Lộ 10 (mới)	4,000	2,000	1,000
	Đường 38A			
	Từ đường 10 (mới) đến ngã ba đền Trần	4,500	2,250	1,125
	Từ ngã 3 đền Trần đến đầu cống KC- 02	4,500	2,250	1,125
	Từ cống KC2 đến ao đình Đông	5,000	2,500	1,250
	Từ ao đình Đông đến ngã tư Hữu Bị	4,000	2,000	1,000
	Đường 63B			
	Từ dốc đê đường 38A cắt 63B đến cầu Cấp Tiến 1	3,000	1,500	750
	Từ cầu Cấp Tiến 1 đến ngã 3 Dốc Lốc (hết địa giới Mỹ Phúc)	5,000	2,500	1,250
	Đường Du lịch (phía Bắc đường 63B)	2,500	1,250	625
	Đường Cầu Bùi - dốc Lốc	5,000	2,500	1,250
	Đường Vĩnh Giang (từ Cầu Viềng qua cầu Bùi đến Lộc Hòa)			
	Từ cầu Viềng đến KC2	2,500	1,250	625
	Từ KC2 đến đình Trần Quang Khải	2,000	1,000	500
	Từ đình Trần Quang Khải đến cách cầu Bùi 100m	2,500	1,250	625
	Khu vực cầu Bùi ra 100m (đường Vĩnh Giang hướng Tây+Đông)	3,500	1,750	875
	Từ nhà ông Hường đến hết cống ao Dàm	3,000	1,500	750
	Từ giáp cống ao Dàm đến hết nhà ông Chiến	2,500	1,250	625
	Từ giáp nhà ông Chiến đến công cô Nhâm	1,500	750	375
	Đoạn từ KC2 đến cầu phao			
	Từ Sông Vĩnh Giang đến đường 63 B	2,500	1,250	625
	Từ đường 63 B đến Cầu phao Nhân Hậu	1,000	500	300
	Đoạn đường Đền Trần - Chùa Tháp	5,000	2,500	1,250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	800	400	
	Khu vực 2	650	325	
	Khu vực 3	600	300	
11	**XÃ MỸ THÀNH**			
	Đường trục xã			
	Từ đầu Chợ huyện đến đền Trần Quang Khải	1,000	500	250
	Đường Đa Mễ - Mỹ Tho	500	250	
	Mỹ Tho - xóm 7 Cầu Nhất	500	250	
	Từ Cầu Nhất đi Lộc Hòa	500	250	
	Xóm 3 đi cầu Nhất	500	250	
	Đoạn từ Kho HTX đến Cầu Mỹ Tho	500	250	
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1	400	250	
	Khu vực 2	300	250	